

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH THÁI BÌNH
 Án số: 05/2018/DS - ST
 Ngày 05/ 3/2018
V/v đòi nợ Đ – T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Cự và Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yên – Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND huyện ĐH tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2017/TLST-DS ngày 01/12/2017 về Dân sự theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX-ST ngày 22/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Công Đ sinh năm 1983

Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1992

Đều TQ: Thôn P, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình

Chị H ủy quyền cho anh Đ tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 17/10/2017)

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T sinh năm 1964

Bà Nguyễn Thị X sinh năm 1964

Đều TQ: Thôn P, xã Đ, huyện ĐH, Thái Bình

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Gia đình anh có cửa hàng kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, trong thời gian 02 năm từ 2015 - 2016 anh Đ có bán hàng cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị X, loại cám viên hiệu Con voi vàng. Do ông T bà X có trang trại chăn nuôi lợn nên cứ sau khi bán lợn thì ông T bà X lại trả nợ và lại mua tiếp tục mua cám của gia đình anh; Việc mua bán diễn ra nhiều lần, mỗi lần đều có

hóa đơn hoặc được ông T hay bà X ký nhận vào sổ ghi hàng của gia đình anh. Đến ngày 14/3/2016, ông T, bà X chốt nợ với anh Đ theo hóa đơn chốt nợ ngày 14/3/2016 thì ông T, bà X còn nợ vợ chồng anh Đ, chị H số tiền mua cám là 90.097.000 đồng (Chín mươi triệu không trăm chín mươi bảy ngàn đồng). Do năm 2016 tình trạng chăn nuôi bị thua lỗ nên từ sau khi chốt nợ ông T, bà X có bán lợn, nhưng vẫn không trả nợ cho vợ chồng anh Đ, chị H. Anh Đ, chị H nhiều lần tới đòi nợ nhưng ông T, bà X vẫn không trả. Nay vợ chồng anh Đ, chị H đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị X phải trả cho anh khoản tiền mua cám còn nợ là 90.097.000 đồng (Chín mươi triệu không trăm chín mươi bảy ngàn đồng) và không yêu cầu ông T, bà X phải trả tiền lãi.

Bị đơn là Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị X thống nhất trình bày: Gia đình ông có chăn nuôi lợn, trong hai năm 2015 - 2016 gia đình ông T, bà X có mua cám của vợ chồng anh Đ, chị H để chăn nuôi. Trong cả quá trình ông T bà X mua cám của anh Đ, chị H có ghi chép việc mua cám còn nợ tiền. Bình thường sau khi bán lợn, ông T bà X vẫn trả nợ cho anh Đ, nhưng năm 2016 do giá lợn hơi giảm mạnh nên việc chăn nuôi bị thua lỗ, ông T, bà X bán lợn, nhưng đã bị người mua lợn nợ tiền không trả. Ngày 14/3/2016, hai bên chốt nợ, ông T bà X còn nợ vợ chồng anh Đ, chị H số tiền mua cám là 90.097.000đ. Từ đó đến nay ông T bà X chưa có điều kiện để trả nên đã phải nhiều lần khất nợ anh Đ. Nay anh Đ, chị H đòi thì ông T, bà X chấp nhận sẽ trả nhưng hiện nay kinh tế gia đình ông, bà còn đang khó khăn chưa thể trả ngay được nên ông T, bà X xin được trả dần số tiền nợ trên cho gia đình anh Đ.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện ĐH phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, sau khi đương sự trình bày ý kiến, Tòa án xét thấy:

1. Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị X đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Nguyên đơn vắng mặt lần hai nhưng đã có đơn xin vắng mặt vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

2. Về nội dung:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án gồm hóa đơn bán hàng ngày 14/3/2016; biên bản làm việc của UBND xã Đ, biên bản ghi lời khai ngày 25/12/2017 của ông Nguyễn Ngọc T, cũng như biên bản ghi lời khai ngày 15/01/2018 của bà Nguyễn Thị X; ông T và bà X đều thừa nhận có mua cám của anh Đ, chị H và đến nay còn nợ tiền mua cám là 90.097.000 đồng như anh Đ, chị H yêu cầu. Ông T, bà X đồng ý trả số tiền nợ trên nhưng hiện nay ông T, bà X còn nhiều khó khăn không thể trả một lúc số tiền trên nên xin được trả dần. Do đó anh Đ, chị H khởi kiện yêu cầu ông T, bà X phải trả số tiền nợ mua cám là có căn cứ cần chấp nhận. Anh Đ, chị H không yêu cầu ông T, bà X phải trả lãi của số tiền trên nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Yêu cầu của anh Đ, chị H được chấp nhận nên anh Đ, chị H không phải chịu án phí. Ông T, bà X phải chịu án phí bằng 5% số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Công Đ và chị Nguyễn Thị Bích H.

2. Buộc ông Nguyễn Ngọc T sinh năm 1964 cùng vợ là bà Nguyễn Thị X sinh năm 1964 đều trú tại thôn P, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình phải trả anh Phạm Công Đ, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị Bích H sinh năm 1992 đều trú tại thôn P, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình số tiền nợ gốc là 90.0997.000đ (*chín mươi triệu không trăm chín mươi bảy ngàn đồng*)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Phạm Công Đ, chị Nguyễn Thị Bích H không phải chịu án phí, trả lại anh Đ, chị H số tiền 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp tại Biên lai thu số 0007478 ngày 30/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH.

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị X phải chịu 4.504.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- Lưu

Hà Thị Nhung

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH
TỈNH THÁI BÌNH**

Số 02/2018/QĐST- DS

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐH, ngày 05 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH HOÃN PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH TỈNH THÁI BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương và ông Lê Đình Cự

Thư ký Tòa án huyện ĐH ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến - Cán bộ Tòa án.

Đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến – Kiểm sát viên

Đã tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ dân sự thụ lý số: 17/2017/TLST- DS ngày 10 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp về kiện đòi nợ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Công Đ sinh năm 1983

Chị Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1992

Đều TQ: Thôn P, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình

Chị H ủy quyền cho anh Đ tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 17/10/2017)

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T sinh năm 1964

Bà Nguyễn Thị X sinh năm 1964

Đều TQ: Thôn P, xã Đ, huyện ĐH, Thái Bình

Xét thấy: Tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị X vắng mặt lần thứ nhất không có lý do

Căn cứ vào các điều 227 và Điều 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 17/2017/ TLST- DS ngày 10 tháng 12 năm 2017

2. Thời gian mở lại phiên tòa xét xử vụ án được Tòa án ấn định như sau.

Vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 05/3/2018.

Địa điểm: Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH.

Nơi nhận:

- Đường sự
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 05 tháng 3 năm 2018 .Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH .

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

2. Ông Lê Đình Cự

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số thụ lý số 17/2017/TLST-DS ngày 01/12/2017 về Dân sự theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX-ST ngày 22/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Công Đ sinh năm 1983

Chị Nguyễn Thị Bích H sinh năm 1992

Đều TQ: Thôn P, xã Đ, huyện ĐH, Thái Bình

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T sinh năm 1964

Bà Nguyễn Thị X sinh năm 1964

Đều TQ: Thôn P, xã Đ, huyện ĐH, Thái Bình

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1/ Về Điều luật áp dụng : Căn cứ vào Điều 438 BLDS 2005 và các Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự”.

Tỷ lệ biểu quyết 3/3

2/ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Công Đ và chị Nguyễn Thị Bích H.

Buộc ông Nguyễn Ngọc T sinh năm 1964 cùng vợ là bà Nguyễn Thị X sinh năm 1964 đều trú tại thôn P, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình phải trả anh Phạm Công Đ, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị Bích H sinh năm 1992 đều trú tại thôn P, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình số tiền nợ gốc là 90.0997.000đ (*chín mươi triệu không trăm chín mươi bảy ngàn đồng*)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tỉ lệ biểu quyết 3/3

3/Về án phí: Anh Phạm Công Đ không phải chịu án phí, trả lại anh Đ số tiền 2.250.000(hai triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007478 ngày 30/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị X phải chịu 4.504.000đ tiền án phí dân sự

Tỉ lệ biểu quyết 3/3

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Tỉ lệ biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 05 tháng 3 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA